

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh
và thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng
quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và phương án bãi bỏ, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (*chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Giao Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan dự kiến số lượng văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, bãi bỏ, đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định tại Điều 1. Tiến hành các bước soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật để trình Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành theo đúng Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CCHC.



Phụ lục 1

PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
I	Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động				
1	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, được phép cung ứng dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.	Điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này.</u> Phương án điều chỉnh: Cắt giảm điểm a khoản 1 Điều 4, đồng thời sửa tiêu đề khoản 1 Điều 4, thành “Tổ chức là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có chức năng, được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:”	Sửa đổi Điều 4 Nghị định 44/2016/NĐ-CP
		1.2. Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.	Điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	Giữ nguyên	
		1.3. Có đủ tài liệu kỹ thuật về từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định theo quy trình kiểm định.	Điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này.</u>	
		1.4. Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ	Điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định	Giữ nguyên	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.	số 44/2016/NĐ-CP		
		1.5. Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật và đã trực tiếp thực hiện việc kiểm định kỹ thuật ATLĐ tối thiểu 03 năm.	Điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> giảm yêu cầu về kinh nghiệm của người phụ trách xuống còn 02 năm. <i>(Theo tổng kết của Viện Nghiên cứu & Quản lý kinh tế trung ương, một trong những vấn đề về ĐKKD gây cản trở hoạt động của DN là đặt ra các yêu cầu, điều kiện quá mức cần thiết, tạo ra rào cản gia nhập thị trường, hạn chế cạnh tranh và tác động bất lợi đến DN vừa và nhỏ, thể hiện dưới các yêu cầu, tiêu chuẩn về năng lực sản xuất, như phải có số lượng nhân viên tối thiểu với trình độ chuyên môn, số năm kinh nghiệm nhất định, yêu cầu số lượng, công suất tối thiểu của phương tiện, thiết bị, máy móc, áp đặt quy mô sản xuất kinh doanh, sản lượng.... Đối với ĐKKD này, qua đánh giá của Cục ATLĐ, kiểm định viên là người tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật và đã trực tiếp thực hiện việc kiểm định kỹ thuật ATLĐ trong thời gian 02 năm về cơ bản đã có kinh nghiệm và thành thạo trong áp dụng quy trình</i>	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiểm nghị thực thi
				kiểm định, có thể làm phụ trách kỹ thuật giám sát hoạt động kiểm định của tổ chức. Vì vậy, có thể đề xuất đơn giản hóa, điều chỉnh giảm thời gian từ 03 năm xuống còn 02 năm để tăng khả năng gia nhập thị trường, giảm tác động bất lợi cho DN vừa và nhỏ. Phương án đơn giản hóa đối với một số ĐKKD khác cũng với lý do tương tự như vậy).	
2	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	2.1. Điều kiện đối với tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Hạng A:	Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP		
		2.1.1. Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có trụ sở hợp pháp theo quy định của pháp luật.	Điểm a	<u>Cắt giảm điều kiện này.</u>	
		2.1.2. Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có ít nhất: - 02 phòng học lý thuyết; mỗi phòng có diện tích ít nhất từ 30m² trở lên; - 01 phòng thực hành được trang bị thiết bị cơ bản phục vụ công tác huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động.	Điểm b	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có ít nhất 01 phòng học có diện tích ít nhất từ 30m² trở lên. (Đề xuất phương án giảm từ 02 phòng học lý thuyết 30m² xuống còn 01 phòng; giảm từ 05 người huấn luyện cơ hữu xuống còn 02 người nhằm đảm bảo điều kiện tối thiểu để duy trì sự hoạt động ổn định của tổ chức dịch vụ huấn luyện, đồng thời tạo thêm thuận lợi, tiết kiệm chi phí hoạt động cho	Sửa đổi khoản 2 Điều 26 Nghị định 44/2016/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
				<i>doanh nghiệp, tổ chức theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ).</i>	
		2.1.3 Có ít nhất 05 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật, nội dung nghiệp vụ, trong đó có 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động;	Điểm c	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> có ít nhất 02 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật, nội dung nghiệp vụ và 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động. (Lý do như nêu tại mục 2.1.2 ở trên).	
		2.1.4 Có chương trình, tài liệu huấn luyện phù hợp với đối tượng huấn luyện và được xây dựng theo chương trình khung huấn luyện.	Điểm d	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> bỏ điều kiện về chương trình huấn luyện. (Tiếp thu ý kiến của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC).	
		2.1.5. Người phụ trách huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên.	Điểm đ	Giữ nguyên	
		2.2. Điều kiện đối với tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Hạng B:	Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP		
		2.2.1. Bảo đảm các điều kiện như theo quy định đối với Hạng A tại mục 2.1 nêu trên.	Điểm a	Phương án như tại mục 2.1 nêu trên.	
		2.2.2. Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, phòng, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện; trong đó phòng, xưởng thực hành có diện tích tối thiểu 40 m ² , khu huấn luyện thực hành có diện tích tối thiểu	Điểm b	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện; trong đó khu huấn luyện thực hành có diện tích	Sửa đổi khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		300 m ² .		tối thiểu 300 m ² .	
		2.2.3. Có ít nhất 05 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành; trong đó có ít nhất 03 người huấn luyện chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện và 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động.	Điểm c	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> có ít nhất 03 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện.	
		2.3. Điều kiện đối với tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Hạng C:	Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP		
		2.3.1. Bảo đảm các điều kiện như theo quy định đối với Hạng B tại mục 2.2 nêu trên.	Điểm a	Phương án như tại mục 2.2 nêu trên.	
		2.3.2. Có máy, thiết bị tối thiểu phục vụ huấn luyện thực hành chuyên ngành cơ bản gồm: Thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị thực hành làm việc trong không gian hạn chế, làm việc trên cao, thiết bị gia công cơ khí, hàn, cắt kim loại, thiết bị thực hành an toàn điện, thực hành an toàn hóa chất. Máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, nơi huấn luyện thực hành phải bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật; khu huấn luyện thực hành bảo đảm diện tích ít nhất 500m ² .	Điểm b	Giữ nguyên	Sửa đổi khoản 4 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP
		2.4. Điều kiện đối với tổ chức huấn luyện, doanh nghiệp tự huấn luyện được huấn luyện đối với nhóm 5:	Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP		

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		2.4.1. Bảo đảm điều kiện hoạt động Hạng A hoặc Hạng B hoặc Hạng C như tại mục 2.1 hoặc 2.2 hoặc 2.3 nêu trên.		Phương án như tại mục 2.1, 2.2 và 2.3 nêu trên.	Sửa đổi khoản 5 Điều 26 Nghị định số 44/2016/ ND-CP
		2.4.2. Ít nhất 5 người huấn luyện có trình độ bác sĩ trở lên và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực có liên quan đến bệnh nghề nghiệp, vệ sinh lao động, sơ cứu, cấp cứu, dinh dưỡng, phòng chống dịch, an toàn vệ sinh thực phẩm.	Điểm a	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> có ít nhất 2 người huấn luyện có trình độ bác sĩ trở lên và có ít nhất 3 năm làm việc thuộc một trong các lĩnh vực bệnh nghề nghiệp, vệ sinh lao động, sơ cứu, cấp cứu, dinh dưỡng, phòng chống dịch, an toàn vệ sinh thực phẩm.	
		2.4.3. Đủ trang thiết bị và cơ sở vật chất để phục vụ cho việc huấn luyện lý thuyết, thực hành theo chương trình học; có trang thiết bị thực hành liên quan đến dinh dưỡng, lấy mẫu kiểm tra an toàn thực phẩm, sơ cứu, cấp cứu.	Điểm b	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> có trang thiết bị và cơ sở vật chất để phục vụ cho việc huấn luyện lý thuyết, thực hành theo chương trình học; có trang thiết bị thực hành liên quan đến dinh dưỡng, lấy mẫu kiểm tra AT thực phẩm, sơ cứu, cấp cứu.	
		2.4.4. Có tài liệu huấn luyện về y tế lao động, sơ cứu, cấp cứu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Điểm c	Giữ nguyên.	
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				
II.1	Ngành nghề hoạt động giáo dục nghề nghiệp				
I	Thành lập trường cao đẳng	1.1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam; quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính	Khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/ND-CP	Giữ nguyên. Luật quy hoạch có quy định Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc danh mục các quy hoạch	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	công lập, tư thực	phù (sau đây gọi là bộ); quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).		ngành quốc gia (Phụ lục I) và Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, của Bộ, cơ quan ngang Bộ thuộc Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (Phụ lục II). Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, theo đó Bộ LĐ - TBXH chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch. Theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (tại văn bản số 12191/VPCP-KGVX ngày 15/11/2017), Bộ LĐTBXH đang hoàn thiện Quy hoạch nêu trên theo tinh thần Nghị quyết TW6 Khóa XII, Luật quy hoạch để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Theo đó, không quy định cứng số lượng cụ thể mà định hướng phát triển mạng lưới theo hướng mở và linh hoạt. Đây mạnh xã	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
				hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Tăng cường tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.	
		1.2. Đối với trường cao đẳng công lập khi thành lập phải cam kết hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định.	Khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Lý do: Các cơ sở GDNN công lập bắt buộc phải thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của pháp luật. Phương án sửa đổi: đối với trường cao đẳng công lập khi thành lập phải hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định.	Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP
		1.3. Quy mô đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp tối thiểu là 500 học sinh, sinh viên/năm.	Khoản 2 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
		1.4. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000 m ² .	Khoản 3 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên. Diện tích sử dụng đất tối thiểu là cơ sở đảm bảo cơ sở GDNN sau khi thành lập được tổ chức, hoạt động đào tạo và đảm bảo mức độ quy mô phù hợp với mô hình trường cao đẳng, trường trung cấp hoặc trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	
		1.5. Vốn đầu tư thành lập được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị	Khoản 4 Điều 3 Nghị định	Giữ nguyên Nhằm đảm bảo tính kế thừa và ổn	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		về đất đai tối thiểu là 100 tỷ đồng.	143/2016/NĐ-CP	định của quy phạm pháp luật; đồng bộ với các quy định tương tự trong lĩnh vực giáo dục (nếu chỉnh sửa theo hướng quy định suất đầu tư tối thiểu/học sinh sinh viên tính theo quy mô đào tạo cao nhất trong 5 năm sau khi thành lập trường so với quy mô đào tạo tối thiểu phải đạt thì số vốn đầu tư có thể cao hơn số vốn theo quy định hiện hành).	
		1.6. Đáp ứng các điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định 143/2016/NĐ-CP (dự kiến về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý).	Khoản 5 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
2	Thành lập trường trung cấp công lập, tư thực	2.1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam; quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
		2.2. Đối với trường trung cấp công lập khi thành lập phải cam kết hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định.	Khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Như tiểu mục 1.2 mục 1 phần II.1 ở trên.	Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		2.3. Quy mô đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp tối thiểu là 250 học sinh, sinh viên/năm.	Khoản 2 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên.	
		2.4. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu 20.000 m ² .	Khoản 3 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
		2.5. Vốn đầu tư thành lập được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai tối thiểu là 50 tỷ đồng.	Khoản 4 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
3	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập, tư thục	3.1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam; quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là bộ); quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).	Khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên.	
		3.2. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập khi thành lập phải cam kết hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định.	Khoản 1 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Như tiêu mục 1.2 mục 1 phần II.1 ở trên.	Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP
		3.3. Quy mô đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp tối thiểu là 150 học sinh, sinh viên/năm.	Khoản 2 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		3.4. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu 1.000 m ² .	Khoản 3 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
		3.5. Vốn đầu tư thành lập được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai tối thiểu là 05 tỷ đồng.	Khoản 4 Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Giữ nguyên	
4	Thành lập phân hiệu của trường cao đẳng công lập, tư thực	Có đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu, bao gồm các nội dung sau đây: 1. Sự cần thiết thành lập phân hiệu. 2. Tên gọi, phạm vi hoạt động phân hiệu. 3. Kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo tương ứng với từng giai đoạn phát triển phân hiệu. 4. Dự kiến về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng các điều kiện về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.	Điều 5 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	Bãi bỏ Điều 5 Nghị định 143/2016/NĐ-CP
5	Điều kiện thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập, tư thực	Có đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu, bao gồm các nội dung sau đây: 1. Sự cần thiết thành lập phân hiệu. 2. Tên gọi, phạm vi hoạt động phân hiệu. 3. Kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo tương ứng với từng giai đoạn phát triển phân hiệu.	Điều 5 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	Bãi bỏ Điều 5 Nghị định 143/2016/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		4. Dự kiến về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng các điều kiện về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.			
6	Điều kiện cho phép đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	6.1. Vốn đầu tư: - Dự án đầu tư thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có suất đầu tư ít nhất là 60 triệu đồng/người học (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ số lượng người học quy đổi toàn phần thời gian tính tại thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất; - Dự án đầu tư thành lập trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; dự án đầu tư xin mở phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài phải có suất đầu tư ít nhất là 100 triệu đồng/người học (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính tại thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất, nhưng không thấp hơn 100 tỷ đồng; - Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc do bên Việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn	Khoản 1 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này.</u>	Bãi bỏ Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		có để triển khai hoạt động thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP.			
		6.2. Cơ sở vật chất: 6.2.1. Diện tích đất để xây dựng đạt bình quân ít nhất là 25 m²/người học đối với trường trung cấp, trường cao đẳng và 04 m²/người học đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tính tại thời điểm có quy mô đào tạo cao nhất trong kế hoạch phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; 6.2.2. Có đủ số phòng học, hội trường, phù hợp với quy mô đào tạo; 6.2.3. Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, ban, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 04 m²/người đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 06 m²/người đối với trường trung cấp, 08 m²/người đối với trường cao đẳng; 6.2.4. Có thư viện, cơ sở thực hành, thực tập, phòng thí nghiệm, xưởng trường, trại trường, vườn thí nghiệm phù hợp với từng chuyên ngành, nghề đào tạo; 6.2.5. Có khu ký túc xá, cầu lạc bộ, nhà ăn, các công trình kỹ thuật, y tế, công trình	Khoản 2 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	Cắt giảm các điều kiện này (08 điều kiện).	Bãi bỏ Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và khu vệ sinh phục vụ cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên nhà trường; 6.2.6. Có trang thiết bị dạy học, máy móc, phương tiện đào tạo phù hợp với quy mô, trình độ đào tạo của từng chuyên ngành, nghề cụ thể; 6.2.7. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động từ 20 năm trở lên tại Việt Nam phải có kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý về việc giao đất hoặc cho thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Giai đoạn đầu tư tối đa là 05 năm, các cơ sở này phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất cần thiết, ổn định để triển khai đào tạo, giảng dạy và phải bảo đảm việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo đúng tiến độ của dự án; 6.2.8. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động dưới 20 năm không phải xây dựng cơ sở vật chất riêng, nhưng phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê trường, lớp, nhà xưởng, các diện tích phụ phù hợp và ổn định trong thời gian ít nhất là 05 năm.			
		6.3. Chương trình đào tạo: 6.3.1 Chương trình đào tạo thực hiện tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước	Khoản 3 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm các điều kiện này</u> (03 điều kiện).	Bãi bỏ Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		ngoài phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Luật Giáo dục nghề nghiệp, không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam; 6.3.2 Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định; 6.3.3. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.			
		6.4. Đội ngũ nhà giáo: 6.4.1. Nhà giáo ít nhất phải có trình độ theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 và Điểm b Khoản 6 Điều 10 Nghị định 48/2015/NĐ-CP; 6.4.2. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học không ít hơn 15% tổng số nhà giáo của	Khoản 4 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm các điều kiện này</u> (03 điều kiện).	Bãi bỏ Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		trường trung cấp, trường cao đẳng; 6.4.3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có đủ số lượng nhà giáo cơ hữu để đảm nhận ít nhất 60% khối lượng chương trình của mỗi chuyên ngành, nghề đào tạo.			
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7.1. Có dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Nội dung sửa đổi: qui định này áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn trên 51% vốn điều lệ theo Luật đầu tư 2014. Còn các nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn dưới 51% được áp dụng cơ chế như nhà đầu tư trong nước (Tiếp thu ý kiến của Phòng TMCN Việt Nam).	Sửa đổi Điều 17 Nghị định 48/2015/NĐ-CP
		7.2. Có đề án tiền khả thi thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 18 Nghị định 48/2015/NĐ-CP.	Điểm b Khoản 1 Điều 17 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Như tiểu mục 7.1 mục 7 phần II.1 ở trên.	
		7.3. Có quỹ đất tại địa phương để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có theo quy định tại Điểm g và Điểm h Khoản 2 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	Điểm c Khoản 1 Điều 17 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Như tiểu mục 7.1 mục 7 phần II.1 ở trên	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		7.4. Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư theo mức quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	Điểm d Khoản 1 Điều 17 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Như tiểu mục 7.1 mục 7 phần II.1 ở trên	
8	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.1. Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Khoản 1 Điều 20 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Chỉ áp dụng điều kiện đối với dự án nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn 51% vốn điều lệ	Sửa đổi Điều 20 Nghị định 48/2015/NĐ-CP
		8.2. Có đề án thành lập đáp ứng các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp về cơ sở vật chất, thiết bị, về chương trình, giáo trình đào tạo, về đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy theo quy định tại Điều 16 Nghị định 48/2018/NĐ-CP.	Khoản 2 Điều 20 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Chỉ áp dụng điều kiện đối với dự án nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn 51% vốn điều lệ	
9	Thành lập phân hiệu trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	9.1. Có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gắn với việc mở phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.	Khoản 1 Điều 24 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	Bãi bỏ Điều 24 Nghị định 48/2015/NĐ-CP
		9.2. Đã được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài công nhận về chất lượng.	Khoản 2 Điều 24 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	
		9.3. Có Đề án mở phân hiệu theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 18 Nghị định 48/2015/NĐ-CP.	Khoản 3 Điều 24 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		9.4. Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư mở phân hiệu theo mức quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	Khoản 4 Điều 24 Nghị định 48/2015/NĐ-CP	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp	10.1 Đối với đào tạo trình độ sơ cấp Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp khi có đủ các điều kiện sau đây:	Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Lược bỏ đối tượng phải tuân thủ: Theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở GDNN khi đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp thì phải đăng ký hoạt động GDNN. Tuy nhiên, trong quá trình theo dõi, giám sát cho thấy đối với các cơ sở GDNN đã được cấp giấy chứng nhận hoạt động GDNN trình độ trung cấp và cao đẳng thì việc đào tạo trình độ sơ cấp là đủ điều kiện, do đó đề xuất phương án đơn giản hóa theo hướng đối với các trường cao đẳng và trung cấp khi đào tạo các nghề sơ cấp cùng nhóm nghề với các nghề đã đăng ký trình độ cao đẳng và trung cấp thì khi đào tạo trình độ sơ cấp chỉ cần báo cáo với đơn vị quản lý cấp trên (đối với các nghề trình độ sơ cấp liên quan đến y tế, giao thông vận tải, an ninh... thì phải có văn bản đồng ý của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền).	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		10.1.1. Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp. Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 04 m ² /chỗ học.	Điểm a	Giữ nguyên	
		10.1.2. Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.	Điểm b	Giữ nguyên	
		10.1.3. Có đội ngũ giáo viên đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 25 học sinh/giáo viên; đối với các nghề yêu cầu về năng khiếu, bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 15 học sinh/giáo viên; có giáo viên cơ hữu cho nghề tổ chức đào tạo.	Điểm c	Giữ nguyên	
		10.1.4. Đối với các nghề đào tạo trình độ sơ cấp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, b và c mục này, cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp còn phải có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm và duy trì hoạt động đào tạo của các	Điểm d	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		nghề đăng ký hoạt động. 10.2. Đối với đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng Trường cao đẳng được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; trường trung cấp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp và cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng khi có đủ các điều kiện sau đây:			
		10.2.1. Các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương. Trường hợp tên ngành, nghề đào tạo chưa có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, trường trung cấp, trường cao đẳng và cơ sở giáo dục đại học phải trình bày luận cứ khoa học về ngành, nghề đào tạo mới; xây dựng bản mô tả ngành, nghề và	Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Điểm a	<u>Đơn giản hóa điều kiện này.</u> Bỏ bớt đối tượng phải tuân thủ, là “Cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng” (bỏ toàn bộ cụm từ được gạch chân). Giữ nguyên (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng)	Sửa đổi, bổ sung tại Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		phân tích công việc của ngành, nghề đó. 10.2.2. Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo, cụ thể: Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 - 7,5 m²/chỗ học. Có đủ thiết bị đào tạo của từng ngành, nghề đào tạo đáp ứng theo danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu của ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì phải bảo đảm đủ thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình đào tạo và tương ứng với quy mô đào tạo của ngành, nghề đăng ký hoạt động. Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô	Điểm b	Giữ nguyên (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng)	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập. Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng. Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và HSSV.			
		10.2.3. Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng ngành, nghề đăng ký hoạt động được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.	Điểm c	Giữ nguyên (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng)	
		10.2.4. Có đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo. trong đó: - Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên. giảng viên đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nhân văn, kinh tế và dịch vụ;	Điểm d	Giữ nguyên (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng)	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		20 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và sức khỏe; 15 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên đối với các ngành, nghề có yêu cầu về năng khiếu. - Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận ít nhất 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo. - Tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học không ít hơn 15% tổng số giáo viên, giảng viên của trường trung cấp và không ít hơn 30% tổng số giáo viên, giảng viên của trường cao đẳng. Bảo đảm mỗi ngành, nghề giảng dạy trình độ cao đẳng có giảng viên trình độ thạc sỹ trở lên. - Giáo viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.			
		10.2.5. Đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học tư thục và trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d mục này, còn phải có đủ nguồn lực tài chính để	Điểm d	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		bảo đảm và duy trì hoạt động của các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.			
II.2 Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề					
1	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	1.1. Có cơ sở vật chất (phòng chuyên môn, kỹ thuật và nhà, xưởng, mặt bằng) và trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) theo danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, bảo đảm tương ứng với số lượng người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong một đợt kiểm tra kiến thức chuyên môn, kỹ thuật hoặc kiểm tra kỹ năng thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động ở một bậc trình độ kỹ năng của mỗi nghề thực hiện trong cùng một thời điểm;	Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> , thành: Có cơ sở vật chất (phòng chuyên môn, kỹ thuật và nhà, xưởng, mặt bằng) và trang thiết bị (máy, thiết bị, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) bảo đảm tương ứng với số lượng người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong một đợt kiểm tra kiến thức chuyên môn, kỹ thuật hoặc kiểm tra kỹ năng thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động ở một bậc trình độ kỹ năng của mỗi nghề thực hiện trong cùng một thời điểm (do các điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị đã được quy định trong đề thi của từng nghề do Bộ LĐTBXH tổ chức xây dựng, nên không cần thiết phải ban hành thêm danh mục quy định về điều kiện này gây phức tạp về thủ tục hành chính	Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015
		1.2. Có hệ thống thiết bị quan sát, giám sát bằng hình ảnh, âm thanh được kết nối với mạng Internet, bảo đảm cho việc quan sát, theo dõi, giám sát được tất cả các hoạt động		Giữ nguyên	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		diễn ra trong quá trình thực hiện việc kiểm tra kiến thức và kiểm tra thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động của người tham dự;			
		1.3. Có trang thông tin điện tử riêng bảo đảm cho người lao động có thể đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trực tuyến.		Giữ nguyên	
2	Nhân lực trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự	Đối với mỗi bậc trình độ kỹ năng của một nghề, có ít nhất là 03 (ba) người được cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 12 Nghị định này cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia (sau đây viết tắt là thẻ đánh giá viên), trong đó có ít nhất 01 (một) người làm việc chính thức tại tổ chức đánh giá kỹ năng nghề	Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> , thành: Đối với mỗi bậc trình độ kỹ năng của một nghề, có ít nhất 01 người làm việc chính thức tại tổ chức đánh giá kỹ năng nghề được cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia (do khi thực hiện đánh giá, Ban giám khảo chỉ cần đảm bảo có thành phần là người làm việc chính thức tại tổ chức đánh giá, các thành viên khác sẽ được mời từ các tổ chức, đơn vị khác).	Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015
II.3 Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.					
1	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục	1.1. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.	Khoản 5 Điều 66 Luật Giáo dục nghề nghiệp. Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 quy định về kiểm	Giữ nguyên. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định áp dụng cho các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có tư cách pháp nhân và được pháp luật công nhận. Để tham gia kinh doanh dịch vụ này, các tổ chức phải có giấy tờ pháp	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	nghề nghiệp		định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	lý chứng minh, là Quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp.	
		1.2. Có đề án thành lập phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, trong đó đã xác định cụ thể đối tượng, phạm vi hoạt động.		<u>Đã cắt giảm điều kiện này.</u>	Các điều kiện đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
		1.3. Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định.		<u>Đã cắt giảm điều kiện này.</u>	
		1.4. Có dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức kiểm định.		<u>Đã cắt giảm điều kiện này.</u>	
		1.5. Có ít nhất 10 kiểm định viên làm việc toàn thời gian theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc tối thiểu từ 12 tháng trở lên cho tổ chức kiểm định và 10 kiểm định viên cam kết cộng tác viên của tổ chức kiểm định sau khi được thành lập.		<u>Đã đơn giản hoá điều kiện này:</u> bỏ yêu cầu 10 kiểm định viên cam kết cộng tác viên.	
		1.6. Có trụ sở hoạt động ổn định và điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động của tổ chức kiểm định; có đủ phòng làm việc cho kiểm định viên với diện tích tối thiểu là 8m ² /người; mỗi kiểm định viên có một máy tính và bàn ghế làm việc.		<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Bỏ qui định về diện tích tối thiểu là 8m ² /1 người (Tiếp thu góp ý của Hội đồng tư vấn CCHC Chính phủ).	
		1.7. Người trực tiếp phụ trách hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp		<u>Cắt giảm điều kiện này.</u> (Bỏ khoản 2 điều 6 Nghị định số	Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP..

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		đáp ứng yêu cầu theo quy định. 1.8. Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định trong đó có nội dung, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. 1.9. Có số vốn tối thiểu 02 (hai) tỷ đồng để triển khai các hoạt động của tổ chức kiểm định, được góp hoặc phân bổ bằng các nguồn hợp pháp.		49/2018/NĐ-CP). Giữ nguyên <u>Đã cắt giảm điều kiện này.</u>	
III Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội					
1	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện	1.1. Điều kiện hoạt động điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe			
		Về cơ sở vật chất	Khoản 1 điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP		
		1.1.1. Khu vực chuyên môn phải đảm bảo có nơi tiếp nhận người nghiện, cắt cơn giải độc, cấp cứu, theo dõi sau cắt cơn, phục hồi sức khỏe, xét nghiệm và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của Bộ Y tế;	Điểm a	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Có nơi tiếp nhận người nghiện, cắt cơn giải độc, cấp cứu, theo dõi sau cắt cơn, phục hồi sức khỏe.	Sửa đổi Điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP
		1.1.2. Có đủ điện, nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải, chất thải theo quy định;	Điểm b	<u>Loại bỏ điều kiện này.</u> Việc tuân thủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
				Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và hướng dẫn của Bộ Công an. Việc tuân thủ điều kiện xử lý nước thải, chất thải phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, không cần thiết phải quy định lại các điều kiện nêu trên trong văn bản QPPL thuộc phạm vi chức năng QLNN của Bộ LĐTBXH. <i>(Tuy vậy, trong thành phần hồ sơ thực hiện TTHC "cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện" vẫn yêu cầu phải có "bản sao có chứng thực giấy chứng nhận phòng cháy, chữa cháy; giấy chứng nhận xử lý nước thải, chất thải" như quy định hiện tại).</i>	
		1.1.3. Có đủ trang thiết bị y tế để thực hiện việc cắt cơn, giải độc, theo dõi sức khỏe và phục hồi sức khỏe sau cắt cơn, giải độc theo đúng quy định của Bộ Y tế;	Điểm c	Giữ nguyên	
		1.1.4. Có khu vực quản lý riêng cho người cai nghiện ma túy là người chưa thành niên.	Điểm d	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Đơn giản hóa đối tượng "người đã cai	Sửa đổi Điều 5 Nghị định số

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		phụ nữ, người mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh nguy hiểm; người đã cai nghiện nhiều lần hoặc người có hành vi gây rối trật tự công cộng trong thời gian cai nghiện;		nghiện nhiều lần hoặc người có hành vi gây rối trật tự công cộng trong thời gian cai nghiện”.	147/2003/NĐ-CP
		1.1.5. Có biện pháp, phương tiện bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ sức khỏe, an toàn tính mạng của cán bộ, nhân viên và người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện;	Điểm d	<u>Loại bỏ điều kiện này.</u> Việc tuân thủ điều kiện về bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và hướng dẫn của Bộ Công an. Do đó, không cần thiết phải quy định lại điều kiện này trong văn bản QPPL thuộc phạm vi chức năng QLNN của Bộ LĐTĐXH.	
		1.1.6. Đảm bảo điều kiện ăn, ở, sinh hoạt hợp vệ sinh cho người cai nghiện ma túy.	Điểm e	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	
		<i>Về nhân sự</i>	Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP		
		1.1.7. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện phải là người đã có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên và đã được tập huấn về công tác cai nghiện ma túy;	Điểm a	Giữ nguyên	
		1.1.8. Người phụ trách chuyên môn của cơ sở cai nghiện là bác sĩ, được cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực tâm thần hoặc	Điểm b	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Người phụ trách chuyên môn là bác sĩ chuyên khoa tâm thần, bác sĩ đa khoa	Sửa đổi Điều 1 Nghị định số

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		trong lĩnh vực điều trị hỗ trợ cai nghiện, có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ đủ ba mươi sáu tháng trở lên, trong đó có thời gian trực tiếp làm công tác cai nghiện từ đủ mười hai tháng trở lên;		có chứng chỉ đào tạo về chuyên khoa tâm thần hoặc bác sỹ chuyên khoa y học cổ truyền có chứng chỉ đào tạo về hỗ trợ cai nghiện ma túy bằng phương pháp y học cổ truyền (theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 26, Nghị định 109/2016/NĐ-CP)	94/2011/NĐ-CP
		1.1.9. Có đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn tâm lý, đã có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chứng chỉ hành nghề phù hợp. Đối với người làm công tác bảo vệ phải có chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ;	Điểm c	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Có đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn tâm lý, có chứng chỉ hành nghề phù hợp.	
		1.1.10. Người làm việc tại cơ sở cai nghiện tự nguyện phải có hồ sơ, lý lịch rõ ràng, không thuộc đối tượng cấm hành nghề.	Điểm d	<u>Cắt giảm điều kiện này</u> <i>Đối với đội ngũ nhân lực, chỉ nên đặt ra yêu cầu điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở cai nghiện (mục 1.1.7 ở trên), còn những người lao động khác sẽ do người đứng đầu cơ sở có toàn quyền và chịu trách nhiệm tuyển dụng, sử dụng, quản lý đảm bảo phù hợp với nhu cầu của cơ sở, theo quy định của pháp luật, không nhất thiết phải có sự "can thiệp" của cơ quan quản lý.</i>	
		1.2. Điều kiện đối với cơ sở thực hiện giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề,			

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.			
		<i>Về cơ sở vật chất</i>	Khoản 4 Điều 1 Nghị định 94/2011/NĐ-CP		
		1.2.1. Có nơi tiếp nhận, chăm sóc, theo dõi sức khỏe và phục hồi sức khỏe sau cắt cơn, giải độc; có khu vực quản lý riêng cho người cai nghiện ma túy là người chưa thành niên, phụ nữ, người mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh nguy hiểm;	Điểm a	Giữ nguyên	
		1.2.2. Có biện pháp, phương tiện bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tính mạng cho cán bộ, nhân viên và người cai nghiện ma túy;	Điểm b	<u>Loại bỏ điều kiện này.</u> (Tương tự như mục 1.1.5 ở trên).	Sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị 94/2011/NĐ-CP
		1.2.3. Có nơi học tập, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, luyện tập dưỡng sinh, sinh hoạt văn hóa văn nghệ theo chương trình giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma túy;	Điểm c	Giữ nguyên	
		1.2.4. Có hệ thống điện, hệ thống nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải, chất thải hoạt động ổn định;	Điểm d	<u>Loại bỏ điều kiện này.</u> (Tương tự như mục 1.1.2 ở trên).	Sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị 94/2011/NĐ-CP
		1.2.5. Có mặt bằng, nhà xưởng đủ điều kiện mở lớp dạy nghề và tổ chức lao động trị liệu phù hợp cho người cai nghiện ma túy.	Điểm đ	Giữ nguyên	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		<i>Về nhân sự</i>	Khoản 2 điều 1 Nghị định 94/2011/NĐ-CP		
		1.2.6. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện hoặc người phụ trách cai nghiện, phục hồi là người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên; có thời gian làm công tác cai nghiện, phục hồi từ đủ mười hai tháng trở lên và đã được tập huấn công tác cai nghiện ma túy;	Điểm a	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Người đứng đầu cơ sở cai nghiện hoặc người phụ trách cai nghiện, phục hồi là người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên; được tập huấn công tác cai nghiện ma túy;	Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị 94/2011/NĐ-CP
		1.2.7. Có đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn tâm lý, giáo viên dạy nghề, kỹ thuật viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chứng chỉ hành nghề phù hợp. Đối với người làm công tác bảo vệ phải có chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ.	Điểm b	<u>Đơn giản hóa điều kiện này:</u> Có đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn tâm lý, giáo viên dạy nghề, kỹ thuật viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp với chuyên môn.	
		1.2.8. Người làm việc tại cơ sở cai nghiện tự nguyện phải có hồ sơ, lý lịch rõ ràng, không thuộc đối tượng cấm hành nghề.	Điểm c	<u>Cắt giảm điều kiện này</u> (Tương tự như mục 1.1.10 ở trên)	
IV	Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước				
1	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở	1.1. Có vốn pháp định 5 tỷ đồng.	Điều 9 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006; Điều 3 Nghị định số 126/2007/NĐ-	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật DN 2014 không có quy định về “vốn pháp định”. Do đó cần quy định cụ thể giấy tờ chứng minh vốn pháp định này để đảm bảo minh bạch hóa, tạo thuận lợi cho DN	Bổ sung vào Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 nội dung quy định cụ thể về giấy tờ

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	nước ngoài		CP ngày 01/8/2007.	chuẩn bị đúng giấy tờ cần thiết khi chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.	chứng minh vốn pháp định của DN hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở NN.
		1.2. Có Đề án hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Khoản 1 Điều 9 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006; Điều 4 Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007.	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Đề án hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hiện quy định gồm 05 mục nội dung có tính khái quát, thiếu cụ thể nên gây khó khăn cho DN trong việc lập Đề án, do đó cần được sửa đổi theo hướng quy định, hướng dẫn cụ thể về các mục nội dung này, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi xây dựng Đề án cũng như sự minh bạch khi xem xét, thẩm định Đề án.	Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 126/2007/NĐ-CP.
		1.3. Có bộ máy chuyên trách bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài và hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp lần đầu tham gia hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thì phải có phương án tổ chức bộ máy chuyên trách để bồi dưỡng kiến thức cần thiết và hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.	Khoản 2 Điều 9 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> - Hiện chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về “bộ máy chuyên trách bồi dưỡng kiến thức cần thiết” nên gây khó khăn cho DN trong việc chuẩn bị hồ sơ, do đó cần bổ sung nội dung này trong Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP. - Bổ quy định “phải có phương án tổ chức bộ máy chuyên trách” đối với trường hợp doanh nghiệp lần đầu	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006. Bổ sung vào Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP nội dung quy định

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
				tham gia hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, vì đã có trong Đề án.	cụ thể về “bộ máy chuyên trách bồi dưỡng kiến thức cần thiết”.
		1.4. Người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có trình độ từ đại học trở lên, có ít nhất ba năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động trong lĩnh vực hợp tác và quan hệ quốc tế.	Khoản 3 Điều 9 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Hiện chưa có quy định cụ thể về các giấy tờ để chứng minh về điều kiện của người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, do đó gây khó khăn cho doanh nghiệp khi chuẩn bị hồ sơ, do đó cần bổ sung nội dung này trong Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP.	Bổ sung vào Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP nội dung quy định cụ thể về các giấy tờ để chứng minh về điều kiện của người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
		1.5. Có tiền ký quỹ 1 tỷ đồng tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.	Khoản 4 Điều 9 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006; Khoản 1, 2 Điều 5 Nghị định số 126/2007/NĐ-CP.	Giữ nguyên điều kiện này.	
V	Lĩnh vực lao động, tiền lương				
1	Kinh doanh	1.1. Đã thực hiện ký quỹ 02 tỷ đồng	Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Lao động;	Giữ nguyên điều kiện này.	Sửa đổi Nghị định số 55/2013/NĐ-

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	dịch vụ cho thuê lại lao động		Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP		CP; Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH
		1.2. Đảm bảo mức vốn pháp định theo quy định là 02 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho thuê phải duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định trong suốt quá trình hoạt động.	Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP; Điều 15 Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH	<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	
		1.3. Có trụ sở ổn định ít nhất từ 02 năm trở lên	Điều 7 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH	<u>Loại bỏ điều kiện này</u> Doanh nghiệp cho thuê lại lao động trước hết là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 3 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP), do đó, điều kiện về trụ sở của doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 (khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 29).	
		1.4. Điều kiện người đứng đầu: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, lý lịch rõ ràng; có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực cho thuê lại lao động từ 03 năm trở lên; trong 03 năm liền kể trước khi đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, không đứng đầu doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc không tái phạm hành vi giả mạo hồ sơ xin cấp, cấp lại	Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH	<u>Đơn giản hóa điều kiện này</u> Thay thế quy định về điều kiện người đại diện theo pháp luật phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực cho thuê lại lao động từ 03 năm trở lên bằng quy định doanh nghiệp phải có ít nhất 01 người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực cho thuê lại lao động từ 3 năm trở lên.	

TT	Ngành, nghề	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Căn cứ pháp lý	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ xin cấp, cấp lại hoặc gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.			
VI Lĩnh vực việc làm					
1	Kinh doanh dịch vụ việc làm	1.1. Có trụ sở theo quy định (địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh của doanh nghiệp phải ổn định và có thời hạn từ 03 năm (36 tháng) trở lên; nếu là nhà thuộc sở hữu của người đứng tên đăng ký doanh nghiệp thì trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có giấy tờ hợp lệ, nếu là nhà thuê thì phải có hợp đồng thuê nhà có thời hạn thuê từ 03 năm trở lên.	Điều 7, 9 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/05/2014	Giữ nguyên	
		1.2. Có bộ máy chuyên trách để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định (Bộ máy chuyên trách để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm bao gồm ít nhất 03 nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, lý lịch rõ ràng).		<u>Cắt giảm điều kiện này</u>	Sửa đổi Điều 7, 9 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/05/2014
		1.3. Đã thực hiện ký quỹ (tiền ký quỹ được sử dụng để giải quyết các rủi ro và các khoản phải đền bù có thể xảy ra trong quá trình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp).		Giữ nguyên	

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: An toàn, vệ sinh lao động

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa nhập khẩu	Bãi bỏ TTHC TTHC này được quy định tại Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng, hiện nay Quyết định này đã bị bãi bỏ bằng Quyết định số 37/2017/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chất lượng.		
2	Chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy	Bãi bỏ TTHC TTHC này được quy định tại Thông tư số 35/2012/TT-BLĐTBXH ngày 27/12/2012 quy định thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ bị hết hiệu lực và sẽ đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Hiện	Nội dung này sẽ được đưa vào dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa	

		nay, Bộ Khoa học và công nghệ đang dự thảo Nghị định này.		
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng	Bãi bỏ TTHC <i>Giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện:</i> thừa nhận bản điện tử của Giấy chứng nhận có giá trị như bản chính. Đề thực thi, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước phải đăng ký sử dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử	Bỏ điểm b Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động	
4	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất	Bãi bỏ TTHC. Thừa nhận Chứng chỉ kiểm định viên bản điện tử (tương tự như thủ tục 3 ở trên).	Bỏ khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	
5	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi.	Bãi bỏ TTHC Đối với trường hợp cấp lại do bị thu hồi thì sẽ thực hiện như thủ tục cấp mới nếu đối tượng yêu cầu.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi, bổ sung Điều 4, Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	
7	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 4, Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	

8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 4, Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	
9	Cấp Chứng chỉ kiểm định viên	Đơn giản hóa TTHC - Giảm tiêu chuẩn kiểm định viên (bỏ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP). - Bỏ các tài liệu chứng minh tiêu chuẩn liên quan (khoản 4 Điều 11 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP).	Bỏ quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	
10	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên	Đơn giản hóa TTHC Lược bớt hoặc không yêu cầu bản sao có chứng thực đối với các tài liệu chứng minh bổ sung, sửa đổi (Giấy chứng nhận huấn luyện kiểm định viên).	Bỏ điểm c Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	
11	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn	Đơn giản hóa TTHC Lược bớt giấy chứng nhận sức khỏe; không yêu cầu bản sao có chứng thực đối với các tài liệu chứng minh bổ sung, sửa đổi (Giấy chứng nhận huấn luyện kiểm định viên).	Bỏ quy định tại Khoản 4 Điều 11 và điểm c Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với các đơn vị do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 26, Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	

	thành lập) Hạng B, hạng C		
13	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với các đơn vị do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng B, hạng C	Đơn giản hóa TTHC Không bắt buộc Tổ chức huấn luyện phải làm lại hồ sơ chứng minh nếu không có sự thay đổi về điều kiện hoạt động, không phải nộp phí, không phải làm thủ tục tại cơ quan hành chính nhà nước, việc kiểm tra, đánh giá lại thuộc trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước. Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2 phần I của Phụ lục I kèm theo).	Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với các đơn vị do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng B, hạng C	Đơn giản hóa TTHC - Giảm bớt thành phần hồ sơ; việc kiểm tra, đánh giá lại để cấp (lại) Giấy chứng nhận thuộc trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước chủ động thực hiện.. Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2 phần I của Phụ lục I kèm theo).	Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.
15	Thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với các đơn vị do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan Trung ương quyết định thành lập), hạng B, hạng C.	Đơn giản hóa TTHC - Quy định cho doanh nghiệp tự công bố đủ điều kiện huấn luyện ATVSLD hạng A. - Đơn giản hóa thành phần hồ sơ quy định tại Điều 26, 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	Sửa đổi Điều 26, 28 và khoản 2 Điều 29 Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ

16	Phê duyệt phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Nội dung quy định quản lý của Bộ lao động - Thương binh và xã hội chỉ yêu cầu doanh nghiệp tự phê duyệt (phê duyệt theo cơ quan có thẩm quyền là thực hiện quy định của Luật chuyên ngành và do Bộ khác thực hiện). Vì vậy, việc phê duyệt phương án xử lý này không đủ bộ phận tạo thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Điều 19 Luật An toàn, vệ sinh lao động; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.
II TTHC cấp tỉnh				
1	Khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Bãi bỏ TTHC TTHC này được quy định tại Thông tư số 06/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/3/2014 quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện nay đã hết lực pháp luật.		
2	Thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Cơ sở	Bãi bỏ TTHC TTHC này được quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, hiện nay đã bị bãi bỏ bởi Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.		

3	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa	Đơn giản hóa TTHC Bỏ thành phần hồ sơ quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2012/TT-BLĐTĐXH	Bỏ điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2012/TT-BLĐTĐXH	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 26, 27, 28 Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ (bỏ điểm a, sửa điểm b khoản 2 của Điều 26; bỏ điểm a, khoản 2; sửa đổi khoản 3 Điều 28; bỏ điểm b; điểm d, d khoản 1 của Điều 28).	
5	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).	Đơn giản hóa TTHC Không bắt buộc Tổ chức huấn luyện phải làm lại hồ sơ chứng minh nếu không có sự thay đổi về điều kiện hoạt động, không phải nộp phí, không phải làm thủ tục tại cơ quan hành chính nhà nước, việc kiểm tra, đánh giá lại thuộc trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước. Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp	Đơn giản hóa TTHC Giảm bớt thành phần hồ sơ, việc kiểm tra đánh giá lại thuộc trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước. Đơn giản hóa đối với trường hợp cấp lại do bổ sung phạm vi hoạt động; đơn vị chỉ cần có công	Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.	

	tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).	văn đề nghị kèm theo hồ sơ chứng minh phạm vi bổ sung. Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2 phần I của Phụ lục 1 kèm theo).		
7	Thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).	Đơn giản hóa TTHC Quy định cho doanh nghiệp tự công bố đủ điều kiện huấn luyện ATVSLĐ hạng A.	Sửa đổi khoản 2 Điều 29 Nghị định 44/2016/NĐ-CP	
8	Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Điểm b Khoản 2 Điều 4 nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ
9	Thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào làm việc	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH ngày 11/6/2013
10	Khai báo tai nạn lao động	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu		<i>Văn bản quy định:</i> Khoản 1 Điều 34 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 10

		thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.
11	Gửi biên bản điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
12	Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
13	Báo cáo tai nạn lao động của người sử dụng lao động	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Khoản 1 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 24 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
14	Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Khoản 1 Điều 34 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
15	Báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động của người	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH		<i>Văn bản quy định:</i> Khoản 1 Điều 81

	sử dụng lao động	Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.	Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016.
--	------------------	--	--

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÀI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Bảo hiểm xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Đăng ký tham bảo hiểm xã hội bắt buộc lần đầu	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành 01 thủ tục “Đăng ký tham gia, điều chỉnh thông tin tham gia BHXH và cấp lại sổ BHXH”. - Sử dụng chung 01 mẫu Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin và cấp lại sổ BHXH của người lao động (thay cho các thành phần hồ sơ đang sử dụng là: Tờ khai tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động; Tờ khai điều chỉnh thông tin cá nhân; Đơn đề nghị cấp lại sổ bảo hiểm xã hội của người lao động, Văn bản thông báo thay đổi thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động). - Bỏ thành phần hồ sơ “sổ BHXH” đối với thủ tục cấp lại sổ bảo hiểm xã hội và thủ tục điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động..	- Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 (bỏ thành phần hồ sơ “sổ BHXH” đối với thủ tục cấp lại sổ bảo hiểm xã hội và thủ tục điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động). - Sửa đổi (Văn bản nào để quy định việc dùng chung 01 mẫu Tờ khai?)	
2	Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện lần đầu			
3	Cấp lại sổ bảo hiểm xã hội			
4	Điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động			
5	Điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động			
6	Đăng ký lại phương thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện			
7	Hường chế độ ốm đau	Đơn giản hóa TTHC - Bổ sung những loại giấy tờ có tính chất thay thế để người lao động có thêm sự lựa chọn, đồng thời khắc phục được vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tế,	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014	

		nếu: thay thế giấy ra viện bằng giấy chuyển tuyến đối với trường hợp chuyển viện trong quá trình điều trị; giấy báo tử đối với trường hợp tử vong tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...). - Lược bỏ các thành phần hồ sơ, giấy tờ do bên thứ 3 ban hành (như giấy ra viện, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH...) trong trường hợp đã có sự kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa những cơ quan này với cơ quan BHXH.		
8	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai, lao động nữ mang thai hộ khi khám thai, sảy thai, nạo hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành 01 thủ tục “Hưởng chế độ thai sản”. - Đề xuất bổ sung những loại giấy tờ có tính chất thay thế để người lao động có thêm sự lựa chọn, đồng thời khắc phục được vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tế (thay thế giấy ra viện bằng giấy chuyển tuyến đối với trường hợp chuyển viện trong quá trình điều trị; giấy báo tử đối với trường hợp tử vong tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...).	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 (bổ thành phần hồ sơ “Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với trường hợp sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi” của thủ tục hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam nghỉ việc khi vợ sinh con, chồng lao động nữ mang thai hộ sinh con)..	
9	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ khi sinh con	- Đối với các thành phần hồ sơ được sử dụng “bản sao” đề nghị quy định được sử dụng cả bản “trích lục” để người lao động có thêm sự lựa chọn và phù hợp với thực tiễn.		
10	Hưởng chế độ thai sản đối với người lao động nhận nuôi con nuôi	- Bổ thành phần hồ sơ “Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với trường hợp sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi” ở thủ tục thứ 10 do thông tin này đã được thể hiện trong mẫu giấy chứng sinh.		
11	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam nghỉ việc khi vợ sinh con, chồng lao động nữ mang thai hộ sinh con	- Bổ sung thành phần hồ sơ đối với trường hợp sinh con ở nước ngoài con không mang quốc tịch Việt Nam.		
12	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai hộ khi sinh con	- Lược bỏ các thành phần hồ sơ, giấy tờ do bên thứ 3 ban hành (như giấy ra viện, giấy chứng nhận nghỉ việc		
13	Hưởng chế độ thai sản đối			

	với người mẹ nhờ mang thai hộ khi lao động nữ mang thai hộ sinh con	hưởng BHXH...) trong trường hợp đã có sự kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa những cơ quan này với cơ quan BHXH.		
14	Hưởng lương hưu đối với người đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành thủ tục “Hưởng lương hưu”.	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.	
15	Hưởng lương hưu đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội	- Bỏ thành phần hồ sơ “Sổ BHXH” sau khi cơ quan BHXH hoàn thành việc rà soát, trả sổ BHXH. - Thay “Đơn đề nghị” tại thủ tục thứ tự 14 bằng “Giấy yêu cầu” nhằm thay đổi nhìn nhận, cách tiếp cận, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan BHXH. - Đề xuất bổ sung những loại giấy tờ có tính chất thay thế để người lao động có thêm sự lựa chọn (thay thế Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa đối với người nghỉ hưu do suy giảm khả năng lao động bằng Giấy xác nhận khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền...).		
16	Hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Đơn giản hóa TTHC - Quy định hồ sơ thay thế đối với các giấy tờ trong thành phần hồ sơ thứ 3 (bản sao giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bản dịch tiếng Việt được chứng thực hoặc công chứng một trong các giấy tờ...) trong trường hợp các nước cấp các giấy tờ điện tử (không thể chứng thực hoặc công chứng). - Thay “Đơn đề nghị” bằng “Giấy yêu cầu” nhằm thay đổi nhìn nhận, cách tiếp cận, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan BHXH.	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.	

17	Hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng ra nước ngoài để định cư	Đơn giản hóa TTHC - Quy định hồ sơ thay thế đối với các giấy tờ trong thành phần hồ sơ thứ 2 (bản sao giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bản dịch tiếng Việt được chứng thực hoặc công chứng một trong các giấy tờ...) trong trường hợp các nước cấp các giấy tờ điện tử (không thể chứng thực hoặc công chứng). - Thay “Đơn đề nghị” bằng “Giấy yêu cầu” nhằm thay đổi nhìn nhận, cách tiếp cận, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan BHXH.	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.	
18	Hưởng chế độ tử tuất đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội và người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành thủ tục “Hưởng chế độ tử tuất”. - Bỏ thành phần hồ sơ “Sổ BHXH” sau khi cơ quan BHXH hoàn thành việc rà soát, trả sổ BHXH.	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.	
19	Hưởng chế độ tử tuất của người đang hưởng hoặc đang tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng chết	- Đề xuất bổ sung những loại giấy tờ có tính chất thay thế để thân nhân người lao động có thêm sự lựa chọn (thay thế Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động đối với thân nhân bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên bằng Giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng...). - Lược bỏ các thành phần hồ sơ, giấy tờ do bên thứ 3 ban hành (như giấy báo tử, giấy chứng tử hoặc biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động...) trong trường hợp đã có sự kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa những cơ quan này với cơ quan BHXH.		
20	Hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đối với người xuất cảnh trái phép trở về nước	Phương án đơn giản hóa Thay “Đơn đề nghị” bằng “Giấy yêu cầu” nhằm thay đổi nhìn nhận, cách tiếp cận, nâng cao chất lượng phục	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.	

	định cư hợp pháp và người bị Tòa án tuyên là mất tích trở về	vụ của cơ quan BHXH.		
21	Chuyển nơi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội	Phương án đơn giản hóa Thay “Đơn” bằng “Giấy yêu cầu” nhằm thay đổi nhìn nhận, cách tiếp cận, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan BHXH.	Sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.	
22	Hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	Bãi bỏ TTHC Bỏ thủ tục này vì khi thực hiện thủ tục “Đăng ký tham gia, điều chỉnh thông tin tham gia BHXH và cấp lại sổ BHXH” thì cơ quan BHXH thực hiện ngay việc hỗ trợ; người lao động không cần phải làm riêng thủ tục hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện.	Sửa Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015	
23	Đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành thủ tục “Đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử”. - Sử dụng chung 01 mẫu Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử (thay cho 03 thành phần hồ sơ đang sử dụng là: Tờ khai đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 01/ĐK-GD; Tờ khai thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 02/SĐ-GD; Tờ khai đăng ký ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 03/NG-GD).	Sửa đổi Nghị định số 166/2016/NĐ-CP..	
24	Thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử			
25	Đăng ký ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử			
26	28. Đăng ký sử dụng dịch vụ I-VAN	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành thủ tục “Đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-	Sửa đổi Nghị định số 166/2016/NĐ-CP..	
27	29. Thay đổi, bổ sung thông			

	tin đăng ký sử dụng dịch vụ I- VAN	VAN”.		
28	30. Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN	- Sử dụng chung 01 mẫu “Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN” (thay cho 03 thành phần hồ sơ đang sử dụng là: Tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ I-VAN theo Mẫu số 04/ĐK-IVAN; Tờ khai thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ I-VAN theo Mẫu số 05/SĐ-IVAN; Tờ khai đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN theo Mẫu số 06/NG-GD).		
29	Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động có thời hạn ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo Hiệp định của Chính phủ và của người đi làm đội trưởng, phiên dịch, cán bộ vùng do nước ngoài trả lương	Đơn giản hóa các TTHC này - Tích hợp các TTHC này thành 01 thủ tục “Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động có thời hạn ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 và giải quyết chế độ từ tuất đối với trường hợp người lao động đã chết sau khi về nước nhưng thân nhân chưa được hưởng chế độ từ tuất”.	Sửa đổi Quyết định công bố thủ tục hành chính về lĩnh vực BHXH thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.	
30	Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người đi làm việc ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo hình thức hợp tác trực tiếp giữa các Bộ, địa phương của Nhà nước ta với các tổ chức kinh tế của nước ngoài			
31	Tính thời gian công tác đối với người đi học, thực tập, ở nước ngoài trước ngày 01			

	tháng 01 năm 1995.			
32	Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người đi làm chuyên gia theo Hiệp định của Chính phủ trước ngày 01 tháng 01 năm 1995.			
33	Hưởng chế độ tử tuất đối với thân nhân của người lao động đi hợp tác lao động ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 đã chết sau khi về nước nhưng thân nhân chưa được hưởng chế độ tử tuất			

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Bãi bỏ TTHC	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ	
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Bãi bỏ TTHC	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ	
II	TTHC cấp tỉnh			
1	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	Bãi bỏ TTHC	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP của Chính phủ	<i>Văn bản QPPL quy định: Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH</i>
2	Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	Bãi bỏ TTHC	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	<i>Văn bản QPPL quy định: Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH</i>

3	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Gộp 02 thủ tục này thành thủ tục “Quyết định công nhận, gia hạn công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật”, vì đều thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp tỉnh, có trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ như nhau	Sửa đổi Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ.	
4	Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật			
5	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	Gộp 02 thủ tục này thành thủ tục “Đăng ký thành lập; thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội”, vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau.	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.	
6	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.			
7	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	Gộp 02 thủ tục này thành thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội”, vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau.	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.	
8	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.			
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, đối tượng tự nguyện; dừng trợ giúp xã hội	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.	
10	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội			

	cấp tỉnh.	tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh”, vì thẩm quyền tiếp nhận và dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng do người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện.		
11	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.			
12	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.			
13	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ	
14	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
III TTHC cấp huyện				
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội và hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội”, vì các thủ tục này có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau (do chủ tịch UBND cấp huyện quyết định).	Sửa đổi Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012.	
2	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)			
3	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng			
4	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp			

5	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Thực hiện trợ cấp xã hội khi đối tượng thay đổi nơi cư trú”, vì khi thay đổi nơi cư trú, đối tượng chỉ cần có đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND cấp xã nơi đang hưởng trợ cấp xã hội, các bước tiếp theo từ cấp xã lên cấp huyện, giữa cấp huyện của nơi cư trú mới và cũ do cơ quan hành chính nhà nước chủ động thực hiện.	Sửa đổi Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.	
6	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh			
7	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Thực hiện trợ giúp đột xuất cho người bị thương nặng, người bị chết, hộ gia đình có nhà bị sập, hư hỏng”, vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau.	Sửa đổi Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.	
8	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng			
9	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở			
10	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Đăng ký thành lập; thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”, vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau.	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.	
11	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.			
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động -	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính	

	Thương binh và Xã hội.	cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội”, vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau.	phủ	
13	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.			
14	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, đối tượng tự nguyện; dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện”, vì thẩm quyền tiếp nhận và dừng trợ giúp xã hội đối với đối tượng do người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện.	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.	
15	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.			
16	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.			
17	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.			
18	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện” vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết như nhau	Sửa đổi Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.	
19	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.			
IV TTHC cấp xã				
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Gộp các thủ tục này thành thủ tục “Xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật”, vì có trình tự thực hiện, thẩm quyền giải quyết và hồ sơ như nhau.	Sửa đổi Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012;	
2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật			

3	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	Đơn giản hóa TTHC. Đơn giản hóa quy trình và mẫu biểu thực hiện TTHC.	Sửa đổi Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016	
4	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	Đơn giản hóa TTHC. Đơn giản hóa quy trình và mẫu biểu thực hiện TTHC.	Sửa đổi Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016	

Phụ lục 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ XUẤT GIỮ NGUYÊN

STT	Tên TTHC	Văn bản Quy phạm pháp luật quy định về TTHC	Ghi chú
1	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013; Thông tư liên tịch 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014	
2	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP	
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP	
4	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP	
5	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	Thông tư 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016	

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889 /QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa đổi Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13. - Bãi bỏ Điều 18 Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường trung cấp.	
2	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc bổ nhiệm hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa đổi Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13. - Bãi bỏ Điều 18 Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH..	
3	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa đổi Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13. - Bãi bỏ Điều 18 Thông tư số 462016/TT-BLĐTBXH ngày	

	- xã hội		28/12/2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng..	
4	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc bổ nhiệm hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa đổi Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13. - Bãi bỏ Điều 16 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH..	
5	Miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc miễn nhiệm giám đốc trung tâm thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 13 Luật giáo dục nghề nghiệp.. - Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	
6	Bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc bổ nhiệm giám đốc trung tâm thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 13 Luật giáo dục nghề nghiệp.. - Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	
7	Cấp lại thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia	Bãi bỏ TTHC Lý do: thay thế bằng TTHC cấp thẻ đánh giá viên KNN quốc gia, vì cùng đối tượng thực hiện, quy trình tương tự, chỉ khác về biểu mẫu.	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp	

			chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.	
8	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Bãi bỏ TTHC Thay thế bằng TTHC cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, vì cùng đối tượng thực hiện, quy trình tương tự, chỉ khác về biểu mẫu.	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.	
9	Cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Bãi bỏ TTHC Thay thế bằng TTHC công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu (vì cùng đối tượng thực hiện, quy trình tương tự, chỉ khác về hồ sơ).	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.	
10	Đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Bãi bỏ TTHC Lý do tương tự như thủ tục 9 ở trên.	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.	
11	Công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với người đạt huy chương tại hội thi tay nghề thế giới, hội thi tay nghề ASEAN và người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại hội thi tay nghề quốc gia	Bãi bỏ TTHC Thực hiện theo hình thức văn bản hành chính của Tổng cục (đến nay chưa nhận được hồ sơ thực hiện TTHC nào).	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.	
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học nước ngoài	Bãi bỏ TTHC Lý do: Việc liên kết đào tạo là quyền lợi của các cơ sở GDNN để tăng hiệu quả tuyển sinh, đáp ứng nhu cầu của người học. Việc liên kết giao cho cơ sở GDNN quyền tự chủ và thực hiện	Sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP (bãi bỏ Điều 12 về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo và Điều 13 về	

		theo qui định của pháp luật.	thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo; sửa đổi Điều 14 về đình chỉ tuyển sinh và chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo cho phù hợp; bổ sung 1 Điều quy định về trách nhiệm của cơ sở GDNN, báo cáo cơ quan QLNN trước khi thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài) Nghị định thay thế Nghị định số 48/2016/NĐ-CP hiện đang trình Chính phủ ban hành.	
13	Thành lập Hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục	Bãi bỏ TTHC Giao quyền tự quyết cho trường cao đẳng tư thục và có trách nhiệm báo cáo với Bộ LĐTĐXH, UBND cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở khi thành lập, thay đổi Hội đồng quản trị	Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐXH qui định về Điều lệ trường cao đẳng	
14	Công nhận Hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục	Đơn giản hóa Phân cấp cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp công nhận	Sửa đổi Điều 13, Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐXH qui định về Điều lệ trường cao đẳng.	
15	Thành lập trường cao đẳng	Đơn giản hóa TTHC - Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg liên quan đến lý lịch tư pháp và yêu cầu nộp	Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa	

		bản sao giấy tờ có công chứng - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
16	Giải thể trường cao đẳng	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án đơn giản hóa đối với nhóm TTHC, quy định liên quan đến lý lịch tư pháp và yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực.	Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang được trình Chính phủ	
17	Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo), do điều kiện thành lập mới đã được đơn giản hóa nên điều kiện cho việc chia, tách, sáp nhập cũng được đơn giản hóa tương ứng.	Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
18	Cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 6, 7, 8 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 21 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang được trình Chính phủ.	

19	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
20	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Đơn giản hóa TTHC Do điều kiện thành lập mới đã được đơn giản hóa nên điều kiện để chia, tách, sáp nhập cũng được đơn giản hóa tương ứng.	Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
21	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Sửa đổi Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
22	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Đơn giản hóa TTHC - Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ. - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2, 3 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	

23	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Sửa đổi Điều 11 Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH	
24	Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.	
25	Cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1, 2 phần II.2 của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Nghị định số 31/2015/NĐ-CP.	
26	Đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Đơn giản hóa TTHC Gộp các thủ tục này thành 01 thủ tục, là thủ tục “Cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia”.	Nghị định 31/2015/NĐ-CP quy định chi tiết Luật việc làm	
27	Công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu			
28	Thành lập phân hiệu của trường cao đẳng	Bãi bỏ TTHC Theo quy định của Luật GDNN, việc thành lập phân hiệu của Trường CD, TC thực hiện theo quy định về thành lập trường CD, TC nên không cần thiết quy định lại điều kiện và thủ tục hành chính.	Bãi bỏ Điều 5 Nghị định 143/2016/NĐ-CP	

29	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị xã hội	Bãi bỏ TTHC Nội dung như mục 28 ở trên.	Sửa Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP	
30	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.	Đơn giản hóa TTHC - Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN đối với cơ sở giáo dục đại học đăng ký trình độ cao đẳng (hiện đã được sửa trong dự thảo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật Giáo dục đại học Đại học). - Không yêu cầu thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với trường cao đẳng khi đăng ký hoạt động GDNN trình độ sơ cấp, chỉ báo cáo cơ quan QLNN có thẩm quyền theo quy định (trừ các nghề có liên quan đến lĩnh vực y tế, giao thông vận tải).. - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 10 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật đầu tư; Nghị định 143/2016/NĐ-CP	Văn bản hướng dẫn sẽ được ban hành khi Luật Giáo dục Đại học có hiệu lực thi hành.
31	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.		Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật đầu tư; Nghị định 143/2016/NĐ-CP	
II TTHC cấp tỉnh				
1	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bãi bỏ TTHC Việc miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật CBCC và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp. - Bãi bỏ Điều 18 Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH	

2	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bãi bỏ TTHC Việc bổ nhiệm hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp. - Bãi bỏ Điều 16 Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH	
3	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bãi bỏ TTHC Việc miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp. - Bãi bỏ Điều 18 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH	
4	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bãi bỏ TTHC Việc bổ nhiệm hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp. - Bãi bỏ Điều 16 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH	
5	Miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh	Bãi bỏ TTHC Việc miễn nhiệm giám đốc trung tâm thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp. - Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH	
6	Bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố	Bãi bỏ TTHC Việc bổ nhiệm giám đốc trung tâm thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức và các văn bản có liên quan.	- Sửa Điều 14 Luật giáo dục nghề nghiệp. - Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH	
7	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).	Bãi bỏ TTHC - Bỏ quy định cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư	Bãi bỏ Điều 24, 25, 26 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP.	

		nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp) vì không có quy định cho phép thành lập phân hiệu trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp . - Theo quy định của Luật GDNN, việc thành lập phân hiệu của Trường CĐ, TC có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định về thành lập trường CĐ, TC nên không cần thiết quy định lại điều kiện và thủ tục hành chính.	Đưa nội dung sửa đổi này vào Nghị định thay thế Nghị định số 48/2015/NĐ-CP Quy định phương án thay thế: thực hiện như quy định thành lập trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm	
8	Cho phép mở phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường cao đẳng).	Bãi bỏ TTHC Theo quy định của Luật GDNN, việc thành lập phân hiệu của Trường CĐ, TC có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định về thành lập trường CĐ, TC nên không cần thiết quy định lại điều kiện và thủ tục hành chính.	Bãi bỏ Điều 24, 25, 26 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi này vào Nghị định thay thế Nghị định số 48/2015/NĐ-CP Quy định phương án thay thế: thực hiện như quy định thành lập trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm	
9	Xác nhận mẫu phôi chứng chỉ sơ cấp, mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp	Bãi bỏ TTHC	Sửa đổi Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTĐBXH	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp	Bãi bỏ TTHC Việc liên kết đào tạo là quyền lợi của các cơ sở GDNN để tăng hiệu quả tuyển sinh, đáp ứng nhu cầu của người học. Việc liên kết giao cho cơ	Sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP: bãi bỏ Điều 12 về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên	

		sở GDNN quyền tự chủ và thực hiện theo qui định của pháp luật.	kết đào tạo, Điều 13 về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo; bổ sung 1 Điều quy định về trách nhiệm của cơ sở GDNN, căn cứ vào điều kiện liên kết để thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước trước khi tổ chức thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài; sửa đổi Điều 14 về đình chỉ tuyển sinh và chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo cho phù hợp.	
11	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bãi bỏ TTHC Theo quy định của Luật GDNN, việc thành lập phân hiệu của Trường CĐ, TC thực hiện theo quy định về thành lập trường CĐ, TC nên không cần thiết quy định lại điều kiện và thủ tục hành chính.	Sửa Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Quy định nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
12	Thành lập Hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Bãi bỏ TTHC Giao quyền tự quyết cho trường trung cấp tư thực và có trách nhiệm báo cáo với UBND cấp tỉnh, Sở LĐTBXH nơi trường đặt trụ sở khi thành lập, thay đổi Hội đồng quản trị.	Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH.	

13	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.	Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP	
14	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đơn giản hóa TTHC - Do điều kiện thành lập mới đã được đơn giản hóa nên điều kiện cho việc chia, tách, sáp nhập cũng được đơn giản hóa tương ứng. - Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ	
15	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đơn giản hóa TTHC - Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ. - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 2, 3 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ	
16	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC Do điều kiện thành lập mới đã được đơn giản hóa nên điều kiện để chia, tách, sáp nhập cũng được đơn giản hóa tương ứng.	Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ	
17	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC	Sửa đổi Điều 20 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP.	

		- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ. - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 6, 7, 8 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Đưa nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ	
18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, doanh nghiệp	Đơn giản hóa các TTHC - Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký mới và đăng ký bổ sung hoạt động GDNN đối với trung tâm GDNN tham gia hoạt động Giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp - Đơn giản hóa thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp khi đăng ký hoạt động GDNN trình độ sơ cấp nghề (sửa Nghị định số 143/2016/NĐ-CP) - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 10 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật đầu tư; Nghị định 143/2016/NĐ-CP Quy định nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ	
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, doanh nghiệp	- Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 10 phần II.1 của Phụ lục 1 kèm theo).	Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật đầu tư; Nghị định 143/2016/NĐ-CP. Quy định nội dung sửa đổi nêu trên trong Nghị định sửa đổi Nghị định 48/2015/NĐ-CP đang trình Chính phủ.	
20	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ thực hiện.	Sửa đổi Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 12/2016/TT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.	

21	Công nhận Hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Đơn giản hóa TTHC Phân cấp thẩm quyền cho Sở Lao động TBXH thực hiện.	Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH.	
III TTHC cấp huyện				
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa thành phần hồ sơ thực hiện.	Sửa đổi Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 12/2016/TT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.	

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Người có công

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Đơn giản hóa TTHC Bỏ bước lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức xã hội phối hợp như Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc thanh niên xung phong, do UBND cấp xã đã niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện truyền thông để lấy ý kiến của tất cả nhân dân nên không cần thiết phải có văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức xã hội có ý kiến riêng..	Sửa đổi Điều 4 Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH- BQP ngày 22/10/2013	
2	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với người không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Đơn giản hóa TTHC Bỏ bước lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức xã hội phối hợp như Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc thanh niên xung phong, do UBND cấp xã đã niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện truyền thông để lấy ý kiến của tất cả nhân dân nên không cần thiết phải có văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức xã hội có ý kiến riêng.	Sửa đổi Điều 5 Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH- BQP ngày 22/10/2013	
II	TTHC cấp tỉnh			

1	Thủ tục giới thiệu người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đi giám định lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố. Theo quy định, thủ tục này đã kết thúc trước ngày 31/12/2014 (Văn bản quy định: Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng).		
2	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.	Sửa đổi khoản 2 Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
3	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.	Sửa đổi khoản 2 Điều 40 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
4	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.	Sửa đổi khoản 3 Điều 7 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
5	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 50 ngày xuống còn 40 ngày.	Sửa đổi Điều 29 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	

6	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 50 ngày xuống còn 40 ngày.	Sửa đổi Điều 29 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
7	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.	Sửa đổi khoản 3 Điều 15 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
8	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ trình tự giải quyết tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (của Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013); - Giảm thời gian hoàn thành từ 30 ngày thành 20 ngày.	Sửa đổi Điều 34 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
9	Thủ tục giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.	Sửa đổi Điều 36 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
10	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.	Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
11	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh	Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 05/2013/TT-	

	hùng	và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.	BLĐTBXH ngày 15/5/2013	
12	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	Đơn giản hóa TTHC Bỏ bước thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ, báo cáo Cục Người có công thẩm định (không qua UBND cấp tỉnh).	Sửa đổi Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.	
13	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.	Sửa đổi Điều 12 Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014	
14	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Đơn giản hóa TTHC Bỏ bước lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức xã hội phối hợp như Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc thanh niên xung phong, do UBND cấp xã đã niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện truyền thông để lấy ý kiến của tất cả nhân dân nên không cần thiết phải có văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức xã hội có ý kiến riêng..	Sửa đổi Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH- BQP ngày 22/10/2013	
15	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Đơn giản hóa TTHC - Gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục, là thủ tục "Giải quyết trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến".	Sửa đổi Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012	
16	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	-Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện.		

17	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	Đơn giản hóa TTHC - Bỏ bước thực hiện tại Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. - Giảm thời hạn giải quyết từ 13 ngày xuống còn 08 ngày.	Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Thông tư 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015	
18	Thủ tục hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sỹ	Đơn giản hóa TTHC Ban hành thống nhất 01 mẫu đơn (đi thăm viếng hoặc di chuyển mộ) thay cho mẫu số 11 và mẫu số 12 kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH- BTC ngày 03/6/2014.	Sửa đổi Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH- BTC ngày 03/6/2014	
III TTHC cấp xã				
1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sỹ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sỹ	Đơn giản hóa TTHC (tương tự như thủ tục thứ 18 cấp tỉnh ở trên) Ban hành thống nhất 01 mẫu đơn (đi thăm viếng hoặc di chuyển mộ) thay cho mẫu số 11 và mẫu số 12 kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH- BTC ngày 03/6/2014.	Sửa đổi Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH- BTC ngày 03/6/2014	

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Quan hệ lao động và Tiền lương

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Đơn giản hóa TTHC - Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần V của Phụ lục 1 kèm theo). - Tăng thời hạn giấy phép cho thuê lại lao động từ 36 tháng lên 60 tháng. - Tăng thời hạn gia hạn giấy gia hạn giấy phép lao động từ 24 tháng lên 48 tháng và không giới hạn số lần gia hạn (theo quy định hiện nay là 2 lần).	Sửa đổi Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013; Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH ngày 08/01/2014.	Nghị định thay thế Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 đang được xây dựng, trong đó quy định rõ những nội dung này (dự kiến trình Chính phủ trong tháng 10/2018)
2	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do bị mất, cháy, hư hỏng	Đơn giản hóa TTHC Nhu trên	Nhu trên	Nhu trên
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Đơn giản hóa TTHC Nhu trên	Nhu trên	Nhu trên
4	Đổi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động khi doanh nghiệp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.	Đơn giản hóa TTHC Nhu trên	Nhu trên	Nhu trên

II	Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTĐ Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP		
2	Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTĐ Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP		
3	Báo cáo thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTĐ Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP		
III	Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	Đơn giản hóa TTHC Giảm đối tượng thực hiện TTHC: các doanh nghiệp có dưới 10 người không phải thực hiện thủ tục này		

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.	Bãi bỏ TTHC Do đã đề xuất đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện theo hướng không quy định thời hạn của giấy phép, do đó sẽ bãi bỏ thủ tục về gia hạn giấy phép hoạt động này.		
2	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Đơn giản hóa TTHC - Không quy định thời hạn của giấy phép, cơ quan quản lý chỉ thu hồi khi phát hiện sai phạm hoặc cơ sở cai nghiện không còn hoạt động. - Phân cấp cho địa phương cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện. - Đơn giản hóa yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần III của Phụ lục 1 kèm theo)..	- Sửa đổi Điều 25; khoản 5 Điều 39 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008). - Sửa đổi Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011)	
3	Thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Đơn giản hóa TTHC - Phân cấp cho địa phương cấp giấy phép, qua đó tạo thuận lợi và giảm chi phí thực hiện thủ tục. - Đơn giản hóa yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần III của Phụ lục	- Sửa đổi Điều 10, Điều 15 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011).	

		1 kèm theo).		
II	TTHC cấp tỉnh			
1	Đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	Bãi bỏ TTHC. Bộ đang trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.	(Văn bản quy định về TTHC: Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐ-BXHCN ngày 06/6/2012).	
2	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Bãi bỏ các TTHC này. Theo quy định hiện hành, nạn nhân bị mua bán được giao cho các Trung tâm trợ giúp xã hội (Trung tâm Bảo trợ xã hội) thực hiện việc hỗ trợ (đối tượng trợ giúp khẩn cấp). Do vậy, thủ tục cấp, sửa đổi, cấp lại, gia hạn tạm thời đình chỉ, chấm dứt hoạt động của các cơ sở hỗ trợ nạn nhân không cần thiết. Việc thành lập cơ sở này theo trình tự thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội.	(Văn bản quy định về TTHC: Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; Điều 3, 4 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTĐ-BXHCN ngày 30/12/2013).	
3	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		(Văn bản quy định về TTHC: Điều 4, 12 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; Điều 3, 6 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTĐ-BXHCN ngày 30/12/2013).	
4	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		Văn bản quy định về TTHC: Điều 4, 5 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; Điều 3, 6 Thông tư số 35/TT-BLĐTĐ-BXHCN ngày 30/12/2013).	

5	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		(Văn bản quy định về TTHC: Điều 4, 13 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; Điều 3, 6 Thông tư số 35/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013).	
6	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		(Văn bản quy định về TTHC: Điều 18 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; Điều 8 Thông tư số 35/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013).	
III TTHC cấp huyện				
1	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện.	Bãi bỏ các TTHC này. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật phòng, chống ma túy, trong đó có nội dung bãi bỏ biện pháp quản lý sau cai tập trung.	(Văn bản quy định về TTHC: Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009; Thông tư số 33/2009/TT-BLĐTBXH ngày 01/11/2010).	
2	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện			
IV TTHC cấp xã				
1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Đưa các TTHC này ra khỏi danh mục TTHC công bố , vì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 (điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định quy định không điều chỉnh thủ tục xử lý vi phạm hành chính).	(Văn bản quy định về TTHC: Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010).	
2	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng			
3	Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng			
4	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.			

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Cấp Thông báo chuyển trả đối với người lao động là đối tượng, phiên dịch, cán bộ vùng đi làm việc ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ	Bãi bỏ TTHC. Việc cấp Thông báo chuyển trả trước đây do Cục Hợp tác quốc tế thực hiện, tuy nhiên hiện không còn quy định về việc cấp Thông báo này (người lao động sử dụng Giấy xác nhận thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội để thay thế).		<i>Văn bản quy định:</i> Điều 35 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội
2	Hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động đối với thị trường yêu cầu cao về tay nghề, ngoại ngữ	Bãi bỏ TTHC. Việc hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động được triển khai thực hiện theo từng chương trình, đề án, dự án hỗ trợ cụ thể.	Quyết định thay thế QĐ số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ không còn nội dung hỗ trợ này (dự kiến trình TTgCP trong Quý II/2018).	<i>Văn bản quy định:</i> điểm c Khoản 2 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BLĐTBXH – BTC ngày 21/7/2008
3	Hỗ trợ học phí bồi dưỡng tay nghề, ngoại ngữ, kiến thức cần thiết cho người lao động	Bãi bỏ TTHC. Việc hỗ trợ học phí bồi dưỡng tay nghề, ngoại ngữ, kiến thức cần thiết cho người lao động được triển khai thực hiện theo từng chương trình, đề án, dự án hỗ trợ cụ thể.	Quyết định thay thế QĐ số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ không còn nội dung hỗ trợ này (dự kiến trình TTgCP trong Quý II/2018).	<i>Văn bản quy định:</i> Điểm b Khoản 2 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BLĐTBXH – BTC ngày 21/7/2008

			II/2018).	
4	Hỗ trợ hoạt động quảng bá nguồn lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Bãi bỏ TTHC. Nội dung này không hỗ trợ cho doanh nghiệp, người lao động mà chỉ hỗ trợ cơ quan nhà nước tổ chức các hoạt động quảng bá và việc hỗ trợ thực hiện theo dự toán được xây dựng nên không phải là TTHC.	Quyết định thay thế QĐ số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ không xây dựng thành TTHC (dự kiến trình TTCP trong Quý II/2018)	<i>Văn bản quy định:</i> Điểm d Khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BLĐTBXH – BTC ngày 21/7/2008
5	Cấp Giấy chứng nhận tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước của doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Bãi bỏ TTHC Quy định theo hướng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước in và cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, Sở LĐTBXH.	Quyết định thay thế QĐ số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ không còn nội dung quy định về cấp giấy chứng nhận này.	<i>Văn bản quy định:</i> Điểm a Khoản 3 Mục I Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BLĐTBXH – BTC.
6	Cấp giấy xác nhận đề nghị tái toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.	Đơn giản hóa TTHC Giảm bớt đối tượng thực hiện TTHC (tùy theo từng trường hợp cụ thể, đối tượng có thể phải hoặc không phải gửi đơn đề nghị đến cơ quan hành chính để làm thủ tục).	Sửa đổi khoản 4 Mục II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN.	
7	Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa về yêu cầu, điều kiện của TTHC (nội dung cụ thể nêu tại mục 1 phần IV của Phụ lục 1 kèm theo).	Đang xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007 ngày 01/8/2007, trong đó quy định rõ nhưng nội dung này (dự kiến trình Chính phủ trong tháng 12/2018).	<i>Văn bản quy định:</i> điểm 2 Mục I Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007
8	Đổi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa theo hướng quy định doanh	Đang dự thảo hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi	<i>Văn bản quy định:</i> Điều 11 Luật người lao động Việt

	việc ở nước ngoài do doanh nghiệp được cấp lại Giấy đăng ký kinh doanh	ng nghiệp chỉ phải làm thủ tục thay đổi giấy phép khi thay đổi các nội dung trong đăng ký doanh nghiệp có liên quan đến điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; quy định cụ thể hồ sơ đối với mỗi nội dung thay đổi	Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, dự kiến trình Chính phủ thông qua vào tháng 12/2018, trình Quốc hội vào năm 2020.	Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
9	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi Giấy phép bị mất, bị cháy, bị hư hỏng	Đơn giản hóa TTHC Bỏ bớt thành phần hồ sơ (giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giấy phép bị mất, cháy...).	Đang dự thảo hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, dự kiến trình Chính phủ thông qua vào tháng 12/2018, trình Quốc hội vào năm 2020.	<i>Văn bản quy định:</i> Điều 12 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
10	Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động	Đơn giản hóa TTHC Bỏ phương án thực hiện hợp đồng đối với những thị trường đã có Phiếu thẩm định; quy định cụ thể những trường hợp đăng ký lần 2 với cùng đối tác sẽ chỉ cần văn bản đăng ký và báo cáo đã triển khai	Đang dự thảo hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, dự kiến trình Chính phủ thông qua vào tháng 12/2018, trình Quốc hội vào năm 2020.	<i>Văn bản quy định:</i> Điều 19 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
11	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn trên 90 ngày	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa theo hướng quy định cụ thể tài liệu chứng minh việc đưa người lao động thực tập nâng cao tay nghề phù hợp	Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đang được dự thảo, dự

		với pháp luật nước tiếp nhận lao động.		kiến trình Chính phủ thông qua vào tháng 12/2018; trình Quốc hội vào 2020.
12	Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động củng cố và phát triển thị trường lao động truyền thống	Đơn giản hóa các TTHC Do trình tự thực hiện, hồ sơ, cơ quan giải quyết của 3 thủ tục như nhau nên có thể gộp lại thành 01 thủ tục, là thủ tục “Hỗ trợ hoạt động mở rộng, phát triển thị trường lao động ngoài nước và quản lý lao động ở nước ngoài”.	Đưa vào dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ (dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý II/2018).	<i>Văn bản quy định:</i> - Điều a, b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH – BTC ngày 21/7/2008 - Điều b khoản 3 Điều 3 Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
13	Hỗ trợ doanh nghiệp để giải quyết rủi ro cho người lao động			
14	Hỗ trợ hoạt động tìm kiếm, khai thác thị trường lao động mới của doanh nghiệp			
15	Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của các tổ chức sự nghiệp của nhà nước	Đưa ra khỏi danh mục TTHC công bố. Theo quy định thì tổ chức sự nghiệp chỉ gửi báo cáo đến Bộ LĐTBXH, không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> khoản 2 Điều 41 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
16	Đóng góp Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước	Đưa ra khỏi danh mục TTHC Đối chiếu quy định thì hoạt động này không phải là thủ tục hành chính (người lao động đóng góp, doanh nghiệp, Sở LĐTBXH tổng hợp và nộp tới quỹ)	Quyết định thay thế QĐ số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ không xây dựng thành TTHC (dự kiến trình TTCP trong Quý II/2018).	<i>Văn bản quy định:</i> Điều a Khoản 3 Mục I Thông tư liên tịch 11/2008/TTLT-BLĐTBXH – BTC ngày 21/7/2008.
17	Đăng ký mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho	Đưa ra khỏi danh mục TTHC Đối chiếu quy định thì hoạt động này		<i>Văn bản quy định:</i> khoản 3 Điều 1 Quyết định số

	người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.	không phải thủ tục hành chính, doanh nghiệp đăng ký mẫu tại Cục, không quy định Cục phải trả lời chấp thuận hay không chấp thuận (không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết).		20/2007/QĐ-BLĐTBXH.
II TTHC cấp tỉnh				
1	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa theo hướng quy định cụ thể tài liệu chứng minh việc đưa người lao động thực tập nâng cao tay nghề phù hợp với pháp luật nước tiếp nhận lao động.	Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đang được dự thảo, dự kiến trình Chính phủ thông qua vào tháng 12/2018; trình Quốc hội vào 2020.
2	Đăng ký hợp đồng cá nhân	Đơn giản hóa TTHC Đơn giản hóa theo hướng sửa mẫu đơn đi làm việc ở nước ngoài, bỏ các bỏ thông tin ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú; bổ sung số định danh cá nhân và nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú).	Khoản 2 Điều 43 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Lộ trình thực hiện theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 26/9/2017 của Chính phủ về phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng QLNN của Bộ LĐTBXH.

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 889 /QĐ-LĐTBXH ngày 3/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Lĩnh vực: Việc làm

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đơn giản hóa và lý do	Kiến nghị thực thi	Ghi chú
I	TTHC cấp trung ương			
1	Thu hồi giấy phép lao động	Bãi bỏ TTHC Thu hồi giấy phép lao động là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước khi giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc phải thu hồi theo pháp luật, không quy định thành TTHC.	Sửa đổi Điều 17 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	
2	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC - Bổ sung một số đối tượng không phải làm thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng LĐNN (nhà đầu tư). - Quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thay vì Chủ tịch UBND) có văn bản chấp thuận cho người sử dụng LĐNN (theo quy định Bộ luật Lao động). - Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.	Sửa đổi: - Điểm b Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 6 Thông tư số 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ LĐTBXH.	
3	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp	Đơn giản hóa TTHC - Sửa đổi, bổ sung một số đối tượng không	Sửa đổi: - Điều 7 Nghị định số	

	giấy phép lao động	thuộc diện cấp GPLĐ để đơn giản thủ tục hành chính (bổ sung nhà đầu tư, người góp vốn). - Bổ quy định danh sách trích ngang về người lao động nước ngoài (vì đã có trong văn bản đề nghị). - Ứng dụng CNTT trong xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp GPLĐ.	11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điểm b Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 9 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ LĐTBXH	
4	Cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Đơn giản hóa TTHC - Bổ quy định phải có giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe (do giấy khám sức khỏe không có tác dụng trong việc tuyển lao động, hiện nay chỉ có quy định về phân loại sức khỏe theo loại I, II, III và IV mà không có quy định về loại sức khỏe nào thì được làm công việc gì). - Bổ sung, sửa đổi một số trường hợp đặc biệt trong cấp GPLĐ để đơn giản hóa thủ tục (đối tượng di chuyển trong nội bộ tỉnh, làm việc tại nhiều tỉnh). - Giảm thời gian cấp giấy phép lao động từ 7 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc. - Ứng dụng CNTT trong cấp giấy phép lao động.	Sửa đổi: - Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Khoản 8 Điều 10 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 7 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH	
5	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Đơn giản hóa TTHC - Bổ quy định phải có giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe. - Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong cấp lại giấy phép lao động.	Sửa đổi: - Điểm c Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 7 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH	

			ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.	
6	Thành lập Trung tâm Dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương quyết định thành lập	Đưa ra khỏi danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập, nên thủ tục hành chính này thực hiện theo Quyết định số 580/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 về việc công bố TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ. Từ nay đến năm 2025, dự kiến không có Trung tâm được thành lập thêm.	Đưa TTHC này ra khỏi danh mục TTHC công bố tại Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
7	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm Dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương quyết định thành lập	Đưa ra khỏi danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH (như trên).	Như trên	
8	Báo cáo chuyên gia khoa học công nghệ không thuộc diện cấp giấy phép lao động làm việc tại Việt Nam	Đưa ra khỏi danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH. Thủ tục này không quy định về thời hạn và kết quả giải quyết, do đó không đầy đủ bộ phận cấu thành của TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.		<i>Văn bản quy định:</i> Điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số 24/2015/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2015
II TTHC cấp tỉnh				
1	Thu hồi giấy phép lao động	Bãi bỏ TTHC Thu hồi giấy phép lao động là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước khi giấy phép lao động hết hiệu lực hoặc phải thu hồi theo pháp	Sửa đổi Điều 17 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016.	

		luật, không quy định thành TTHC.		
2	Thành lập Trung tâm Dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	Đưa ra khỏi danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập, nên thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 580/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.	Đưa TTHC này ra khỏi danh mục TTHC công bố tại Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
3	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm Dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	Đưa ra khỏi danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH (như trên).	Như trên.	
4	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	Đơn giản hóa TTHC - Bổ sung một số đối tượng không phải làm thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng LĐNN (nhà đầu tư). - Quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thay vì Chủ tịch UBND) có văn bản chấp thuận cho người sử dụng LĐNN (theo quy định Bộ luật Lao động). - Ứng dụng CNTT trong chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.	Sửa đổi: - Điểm b Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 6 Thông tư số 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ LĐTBXH.	
5	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Đơn giản hóa TTHC - Sửa đổi, bổ sung một số đối tượng không thuộc diện cấp GPLĐ để đơn giản thủ tục hành chính (bổ sung nhà đầu tư, người góp vốn). - Bổ quy định danh sách trích ngang về người lao động nước ngoài (vì đã có trong văn bản đề nghị).	Sửa đổi: - Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điểm b Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 11/2016/NĐ-	

		- Ứng dụng CNTT trong xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp GPLĐ.	CP ngày 03/02/2016. - Điều 9 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ LĐTBXH.	
6	Cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Đơn giản hóa TTHC - Bộ quy định phải có giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe. - Bổ sung, sửa đổi một số trường hợp đặc biệt trong cấp GPLĐ để đơn giản hóa thủ tục (đối tượng di chuyển trong nội bộ tỉnh, làm việc tại nhiều tỉnh). - Giảm thời gian cấp giấy phép lao động từ 7 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc. - Ứng dụng CNTT trong cấp giấy phép lao động.	Sửa đổi: - Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Khoản 8 Điều 10 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 7 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.	
7	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Đơn giản hóa TTHC - Bộ quy định phải có giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe. - Ứng dụng CNTT trong cấp lại giấy phép lao động.	Sửa đổi: - Điểm c Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016. - Điều 7 Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 của Bộ LĐTBXH	
8	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Đơn giản hóa TTHC Trong thành phần hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động không bắt buộc phải	Sửa đổi Điều 16 Nghị số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ	

		nộp bản sao có chứng thực của giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc mà có thể lựa chọn nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu của giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc (thực hiện theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ).	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp	
9	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Đơn giản hóa TTHC Trong thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề, người lao động không bắt buộc phải nộp bản sao có chứng thực của giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc mà có thể lựa chọn nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu của giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc (thực hiện theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 9/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ).	Sửa đổi Điều 24 Nghị số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp	
10	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Đơn giản hóa TTHC: Giảm lược đối tượng thực hiện, theo đó đối tượng người lao động đi nước ngoài định cư và đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng lao động không phải thực hiện thủ tục hành chính này. Lý do nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả thi của quy định pháp luật, theo quy định thì người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu ra nước ngoài để định cư hoặc đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động phải có trách nhiệm thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tuy nhiên, ngay người lao động được xác định ra nước ngoài định cư hoặc đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài phải là ngày người lao động xuất cảnh. Trong khi	Sửa đổi Khoản 2 Điều 21 Nghị số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp	

		những lao động này khi xuất cảnh sẽ không được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp mà người lao động chưa nhận trợ cấp thất nghiệp, do đó, người lao động thường không thực hiện việc thông báo theo quy định nêu trên và việc không thông báo cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Như vậy, có thể thấy quy định này không thiết thực và không cần thiết	
11	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Đơn giản hóa TTHC: - Giảm thời gian cấp giấy phép từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc (do ứng dụng CNTT). - Về thành phần hồ sơ: bỏ yêu cầu chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bỏ yêu cầu xuất trình bản gốc đề đối chiếu, bỏ chứng thực giấy xác nhận của ngân hàng về việc đã thực hiện ký quỹ. - Về yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: bỏ điều kiện có bộ máy chuyên trách để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm.	Sửa đổi: - Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. - Điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014. - Khoản 2 Điều 7, Điều 9 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014.
12	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Đơn giản hóa TTHC: Giảm thời gian cấp lại giấy phép từ 15 ngày xuống còn 7 ngày làm việc (do ứng dụng CNTT).	Sửa đổi Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014.

13	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Đơn giản hóa TTHC: - Về thành phần hồ sơ: Bỏ bản sao giấy tờ chứng minh bộ máy chuyên trách để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm (do đề xuất bỏ điều kiện kinh doanh này). - Giảm thời gian cấp lại giấy phép từ 15 ngày xuống còn 7 ngày làm việc (do ứng dụng CNTT).	Sửa đổi: - Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014. - Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014.	
14	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Tích hợp (gộp) 02 TTHC này thành 01 TTHC Trong thực tế, khi 2 thủ tục này gộp lại thì người lao động và cơ quan lao động vẫn thực hiện các bước như khi thực hiện đối với từng thủ tục nên không phát sinh hoặc giảm chi phí thực hiện. Tuy nhiên, việc gộp 2 thủ tục thành 1 thủ tục sẽ giúp người lao động thuận tiện trong việc theo dõi và phân bổ thời gian thực hiện các bước của TTHC.	Điều 22 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp	
15	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến).			
16	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Đưa ra khỏi danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ LĐTBXH. Việc dừng trợ cấp thất nghiệp là biện pháp quản lý do cơ quan hành chính nhà nước chủ động thực hiện khi người lao động không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, không phải là TTHC theo quy định về kiểm soát TTHC.		<i>Văn bản quy định:</i> Điều 19 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp